

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+p2+BK8	7:25	5+12+4	0+0+0		1+17+4	0+0+0	chuyen 1 p2- bk8
2		BK5+TD1+p4	7:25	7+13+1	0+0+0		3+16+1	0+0+0	
3		BK6+CLO	7:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
4		SAVR	7:25	18	0		13	0	
5		CTC1+BK20+CTK3	7:25	15+0+2	0+0+0		8+1+7	0+0+0	
6		RP2+GTc1+BK9	9:25	21+0+0	0+0+0		19+0+2	0+0+0	chuyen 2 rp2- Gtc1
7		P7+p5+p2	9:25	1+0+20	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 p7- p5
8		RC3+RC10+RC5	9:25	18+4+0	0+0+0		6+3+2	0+0+0	
9		SAVR+TD5	9:25	16+2	0+0		6+8	0+0	
10		P11+BK5+BK8	11:25	17+1+3	0+0+0		11+5+3	0+0+0	
11		BK14+CTC1+RP2	11:25	3+1+17	0+0+0		2+0+20	0+0+0	

TTDSSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

l/ l người bk20 về đi BK14, đi về trong ngày BK5-4ng, Bk8-1ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/07/2025		TO: P11 - P2 - BK8			AIRCRAFT: 420			ETD: 07:30		
FLIGHT: 1		FROM: VT			CREW: VIỆT - ĐNAM - HIẾU			ETA: 09:20		
XANH-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHÙNG QUANG ĐẠI	P11	06-07	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HỮU QUYNH	P11	03	1	9	1	20	64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HAI LINH	P11	01	1	13	1	22	71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG ĐANH	P11	02	1	14			78	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	60-61	2	10	1	10	75	YTE	Vietnamese
6	HOANG ĐÌNH QUÊ	P2	66	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	54	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	68	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	56	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MINH ĐỨC	P2	63	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG XUÂN THAI	P2	65	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	67	1	3			86	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	P2	57	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	64	1	2	3	55	77	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU VĂN TỰ	P2	58-59	2	8			63	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ HỮU LINH	P2						94	KH-THAC	Vietnamese
17	NOVIKO	BK8	98	1	2			99	ANTOAN	Russian
18	NGUYỄN TẤT HOÀ	BK8				2	27	80	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG SỸ NGỌC	BK8	96	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH SƠN	BK8	97	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO				
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	4	288	5	51	2	42	0		
2	P2	12	873	13	65	4	65	17	1	CHUYEN 01 PAX P2 SANG BK8
3	BK8	4	310	3	18	2	27	4		
TOTAL		20	1.471	21	134	8	134	21		
WEIGHT KG			1.471		134		134			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

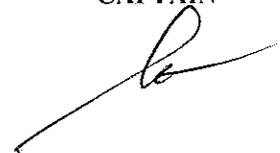
VSP REP



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025	TO: BK5 - TD1 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KHOAN - SON - NNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ARTYUSHIN SERGEY	BK5	05	1	3	3	50	83	ANTOAN	Russian
2	NGUYEN VIET MINH HOANG	BK5						77	ANTOAN	Vietnamese
3	TRINH VAN TIEN	BK5						88	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HUU VAN	BK5						78	ANTOAN	Vietnamese
5	THAI HAI HA	BK5	02-03	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRAN VIET	BK5	04	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN THUAN	BK5	403	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NHU BANG	TD1	16	1	5	1	14	60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MINH SON	TD1	12	1	5	3	45	78	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH XUAN HOA	TD1	20	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN DUY	TD1	17-18	2	14			67	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN HOAN	TD1	22	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC TOAN	TD1	13	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH ĐỨC TIEN	TD1	21	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
15	SHCHETNIKOV V	TD1	14	1	8			90	KH-THAC	Russian
16	TRẦN MINH HOANG	TD1	15	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
17	TRINH CAO TRỌNG	TD1	11	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ BA CHIẾN	TD1	10	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC KHANH	TD1	24-25	2	11			60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MINH BANG	TD1	19	1	4			87	PSV	Vietnamese
21	TRAN XUAN TRUNG	P4	65	1	5	1	12	80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK5	7	531	5	26	3	50	3		
2	TD1	13	957	15	96	4	59	16		
3	P4	1	80	1	5	1	12	1		
TOTAL		21	1.568	21	127	8	121	20		
WEIGHT KG			1.568		127		121			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/07/2025	TO: BK6 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 09:30
VANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ NGỌC AN	BK6	44-45	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HUY TIEN HAI	BK6	43	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CÔNG THÀNH	BK6	42	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHE	BK6				4	70	74	PSV	Vietnamese
5	HOANG VAN HUNG	CLO	89	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN QUANG HIEN	CLO	52	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN TRUNG	CLO	53	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ THÈ NANG	CLO	52	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
9	NGÔ VĂN BẠC	CLO	59	1	6	1	20	81	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN LONG	CLO	56	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	51	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
12	BUI QUỐC GIA	CLO	91	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY LONG	CLO	50-51	2	12			72	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	92	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
15	VĂN CÔNG THỤY	CLO	57-58	2	11			66	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ MẠNH HÙNG	CLO	90	1	8			77	ANTOAN	Vietnamese
17	MULNIUCHKIN V.V	CLO	61	1	13			96	DVL	Russian
18	DƯƠNG BA VINH	CLO	49	1	14			97	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN CAO	CLO	55	1	14			59	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG QUÂN	CLO	59-60	2	10			61	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	CLO	48	1	8			102	PSV	Vietnamese
22	HOANG HUU THU	CLO	54	1	5			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

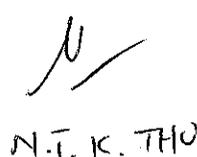
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK6	4	299	4	28	4	70	4		
2	CLO	18	1.335	21	133	1	20	18		
TOTAL		22	1.634	25	161	5	90	22		
WEIGHT KG			1.634		161		90			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.



VNH REP.



N.T. K. THU

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025	TO: SAVR	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HLONG - XTRƯỜNG	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN THANH	SAVR	63-64	2	12			64	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	PHẠM HAI LONG	SAVR	36	1	16	1	25	77	XN ĐỊA V	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC NINH	SAVR	46	1	16			72	XN ĐỊA V	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG ANH DŨNG	SAVR	34-35	2	18			68	XN ĐỊA V	Vietnamese
5	KIRICHENKO KONSTANTIN P.	SAVR	60	1	5			81	KHOAN	Russian
6	KIZIN DMITRII	SAVR	55-56	2	8			94	AMNGR	Russian
7	GOLOVIN KONSTANTIN	SAVR	54	1	11			114	AMNGR	Russian
8	DERBASOV ANDREI	SAVR	58-59	2	13			74	AMNGR	Russian
9	MAMATOV DENIS	SAVR	52-53	2	12			86	AMNGR	Russian
10	PHẠM VĂN DŨNG	SAVR	41-42	2	13	2	24	51	XN CƠ ĐIỆN	Vietnamese
11	LE HOANG VU	SAVR	47	1	7			67	XN CƠ ĐIỆN	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC HẬU	SAVR	38	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN THUYẾT	SAVR	43-44	2	13			62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	SAVR	45	1	9			65	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN QUANG TRUNG	SAVR	50-51	2	22			66	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐÔNG	SAVR	48-49	2	22			60	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN NGỌC	SAVR	39-40	2	22			80	XAYLAP	Vietnamese
18	KVARNIKOV	SAVR	57	1	10			150	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	18	1.399	28	242	3	49	13		
	TOTAL	18	1.399	28	242	3	49	13		
	WEIGHT KG		1.399		242		49			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025	TO: CTC1 - BK20 - CTK3	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 09:40
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ ANH VŨ	CTC1	99	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIÊN THỨC	CTC1	70	1	4	3	68	80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN LY	CTC1	65	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SĨ HIỆU	CTC1	95	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	97	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HOANG LONG	CTC1	96	1	13			83	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	67	1	11			57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM BUI ĐÌNH LỘC	CTC1	73-93	2	19			83	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	CTC1	68-69	2	10			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HUY	CTC1	64	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÂM	CTC1	98	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	CTC1	01-02	2	17			66	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯƠNG MINH KHUÊ	CTC1	71-72	2	12			56	NIPI	Vietnamese
14	VŨ NGỌC HÙNG	CTC1	94	1	8			58	PSV	Vietnamese
15	LÊ ĐẶC NHÀ	CTC1	66	1	6			62	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG VŨ	CTK3	24-25	2	17			46	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM HUU TUNG	CTK3	26-29	4	15			90	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	15	1.056	19	150	3	68	8		
2	BK20	0	0	0	0	0	0	1		
3	CTK3	2	136	6	32	0	0	7		
TOTAL		17	1.192	25	182	3	68	16		
WEIGHT KG			1.192		182		68			

GRAND TOAL: 1.442 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025	TO: RP2 - GTC1 - BK9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: QVIỆT - ĐNAM - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	RP2	97-98	2	20	7	100	100	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN LAM	RP2	08-09	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	96	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG HOANG	RP2	88	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	85	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUNG CUONG	RP2	05-06	2	7			87	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BA DUY	RP2	99	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	91-92	2	19			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RP2	300	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ HUNG HAI	RP2	94-95	2	16			72	ANTOAN	Vietnamese
11	BUI KHÁC HOANG	RP2	02-03	2	8			57	YTE	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TRI	RP2	93	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HOANG	RP2	04	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	07	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGÓN QUANG DUY	RP2	10	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	18-19	2	19			66	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC CUONG	RP2	89	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	90	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HỮU QUAN	RP2	01	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ ĐỨC LONG	RP2	86	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
21	VÔ HOANG CẨM	RP2	87	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	21	1.504	28	182	7	100	19	2	CHUYEN 2 PAX RP2-GTC1
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	0		
3	BK9	0	0	0	0	1	3	2		
TOTAL		21	1.504	28	182	8	103	21		
WEIGHT KG			1.504		182		103			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025	TO: P7 - P5 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: XHOÀN - SON - NNAM	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VAN QUAN (1987)	P7	600	1	4	2	30	69	PSV	Vietnamese
2	TRAC ĐỨC HUY	P2	78	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN HIEU	P2	84	1	2			57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN PHONG	P2	93	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HA	P2	90	1	10			51	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN ĐAI NGHIA	P2	87	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VAN DU	P2	85	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC DU	P2	83	1	5	2	35	69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HIEU	P2	91	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
10	K LING	P2	79	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN QUYEN	P2	89	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
12	VU NGOC DUNG	P2	88	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN KHAC CAN	P2	80	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
14	TANG MANH HA	P2	86	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN VUONG	P2	92	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN TRUNG QUYEN	P2	76-77	2	23			59	XAYLAP	Vietnamese
17	TRUONG VAN NGHIA	P2	74-75	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN KHAC QUANG	P2	72-73	2	23			70	XAYLAP	Vietnamese
19	LY CHUYEN CHIEU	P2	81	1	5			105	PSV	Vietnamese
20	LE TRAN MINH KHANH	P2	82	1	7			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	1	69	1	4	2	30	1	1	CHUYEN 1 PAX P7-P5
2	P5	0	0	0	0	0	0	0		
3	P2	19	1.314	22	159	2	35	21		
TOTAL		20	1.383	23	163	4	65	22		
WEIGHT KG			1.383		163		65			

GRAND TOAL: 1.611 KGS

VSP REP.

[Signature]
N.T. K. THU

VNH REP.

[Signature]
N.T. K. THU

CAPTAIN

[Signature]
Pham Thai Son



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025	TO: RC3 - RC10 - RC5	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN BÌNH LONG	RC3	56	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ LÊ TRUNG	RC3	53-54	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG KHOA	RC3	57	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HOÀNG	RC3	59	1	8			92	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	48-49	2	8			80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HẢI VIỆT	RC3	52	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRƯỜNG CHÍNH	RC3	58	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ VĂN TUẤN	RC3	47	1	9			80	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MINH HOÀNG	RC3	38	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RC3	40	1	7			66	XAYLAP	Vietnamese
11	MAI TRUNG DƯƠNG	RC3	39	1	9			69	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN BA LỰC	RC3	43	1	11			75	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN KHẮC BĂNG	RC3	41-42	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM KHÁNH	RC3	36-37	2	25			69	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ TRỌNG LÝ	RC3	44-45	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐINH QUANG SƠN	RC3	01,400	2	21			59	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ BẢO THÀNH	RC3	50	1	10	1	20	84	NIPI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)	RC3	46	1	9	1	11	83	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤT THÀNH	RC10	03	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
20	TÀ VĂN VIỆT	RC10	02	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10						68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH TUẤN	RC10	01	1	7			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC3	18	1.322	24	199	2	31	6		
2	RC10	4	271	3	22	0	0	3		
3	RC5	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.593	27	221	2	31	11		
WEIGHT KG			1.593		221		31			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

N. P. Khuê

VNH REP.

Hoàng Thị Thủy

CAPTAIN

Đào Ngọc Phú



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025		TO: SAVR - TD5			AIRCRAFT: 619			ETD: 10:05		
FLIGHT: 09		FROM: VT			CREW: HLONG - XTRƯỜNG			ETA: 11:55		
TRANG-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN THUY	SAVR	67	1	19			69	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VU THUAT	SAVR	81-82	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHUNG VAN PHUONG	SAVR	79-80	2	24			62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN ĐANG	SAVR	83	1	17			54	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BAO	SAVR	76	1	8			51	BIENDONG	Vietnamese
6	HOANG TRUNG KIEN	SAVR	65-66	2	15			68	BAKER HU	Vietnamese
7	HOANG MINH TRI	SAVR	73	1	5			85	BIEN ĐONG	Vietnamese
8	NGUYEN VAN VAN	SAVR	74	1	9			65	BIEN ĐONG	Vietnamese
9	NGUYEN HUU MINH	SAVR	75	1	11			61	BIEN ĐONG	Vietnamese
10	NGUYEN DINH SON	SAVR	71-72	2	12			75	BIEN ĐONG	Vietnamese
11	SERGEEV SERGEI	SAVR	70	1	7			80	AMNGR	Russian
12	CHERNUSHENKO VLADIMIR	SAVR	68-69	2	17			90	AMNGR	Russian
13	ILIA MOROZOV	SAVR	86-88	3	29			111	AMNGR	Russian
14	ILSHAT SALIMOV	SAVR	89-91	3	19			75	AMNGR	Russian
15	NGUYEN MANH HUNG	SAVR	77	1	4	1	15	94	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HIEN	SAVR	84-85	2	18			82	XAYLAP	Vietnamese
17	HÓ THANH QUANG	TD5	04-05	2	19			82	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VAN HAI 92	TD5	01-03	3	12			73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	16	1.187	26	232	1	15	6		
2	TD5	2	155	5	31	0	0	8		
TOTAL		18	1.342	31	263	1	15	14		
WEIGHT KG			1.342		263		15			

GRAND TOAL: 1.620 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025	TO: P11 - BK5 - BK8	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: VIỆT - ĐNAM - HIẾU	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM CAO CƯỜNG	P11	65	1	13			71	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN DANH HẠNH	P11	95-96	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CÔNG	P11	99,500	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	P11	68	1	20			85	XAYLAP	Vietnamese
5	CHE NGỌC TŨ	P11	97-98	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
6	LE QUỐC THỤY	P11	66-67	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VAN HIEN	P11	89-90	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC THACH	P11	397-398	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN ĐỨC	P11	93-94	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
10	TRINH VAN BAU	P11	83-84	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN HUY CƯỜNG	P11	393-394	2	20			56	XAYLAP	Vietnamese
12	LE ĐOÀN HAI	P11	81-82	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC QUY	P11	85	1	5	1	18	65	XAYLAP	Vietnamese
14	VĂN TIÊN DUẬN	P11	69,92	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC SƠN	P11	91	1	13	1	12	58	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÀO ĐỨC TRƯỞNG	P11	395	1	11	1	17	60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	15	1	5			59	PSV	Vietnamese
18	VŨ QUANG DƯƠNG	BK8	42	1	14	1	16	68	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VAN HỌC	BK8	94-95	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN TRỌNG TÂN NGHĨA	BK8	41	1	9			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	16	1.082	27	273	3	47	13		
2	BK5	1	59	1	5	0	0	5		
3	BK8	3	194	4	43	1	16	3		
TOTAL		20	1.335	32	321	4	63	21		
WEIGHT KG			1.335		321		63			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/07/2025		TO: BK14 - CTC1 - RP2			AIRCRAFT: 406			ETD: 12:15		
FLIGHT: 11		FROM: VT			CREW: XHOÀN - SON - NNAM			ETA: 14:05		
CAM-3										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN MINH HƯƠNG	BK14	93-94	2	13	3	37	60	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN NGHĨA	BK14	92	1	4			63	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN TRI CHUNG	BK14	91	1	6			52	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SƠN	CTC1	06-07	2	16	2	40	78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC HOA	CTC1	22-23	2	22			61	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGHE	CTC1	08	1	6			70	AMNGR	Vietnamese
7	HOANG TUAN CUONG	RP2	21	1	7	3	60	72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LAM	RP2	30	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	20	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT NHƯNG	RP2	33	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	23	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	35	1	7			95	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HỢP	RP2	27	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	34	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NHỎ CANG	RP2	29	1	9			69	PSV	Vietnamese
16	PHẠM THANH HÙNG	RP2	24	1	4			62	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN MINH	RP2	28	1	7			82	PSV	Vietnamese
18	VÕ VĂN TUẤN TU	RP2	25-26	2	9			70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH MINH	RP2	31	1	6			58	PSV	Vietnamese
20	LÊ DUY HAI	RP2	22	1	3			73	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO HỮU HAI	RP2	32	1	5			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	3	175	4	23	3	37	2		
2	CTC1	3	209	5	44	2	40	0		
3	RP2	15	1.029	16	91	3	60	20		
TOTAL		21	1.413	25	158	8	137	22		
WEIGHT KG			1.413		158		137			

GRAND TOAL: 1.708 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

P.T. Son